

Vietnam Daily Review

Phiên giảm điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 31/3/2022		•	
Tuần 28/3-1/4/2022		•	
Tháng 3/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index tăng điểm khi mở cửa phiên giao dịch sáng nay, tuy nhiên sau đó áp lực chốt lời đẩy chỉ số đi một mạch xuống 1487 trước khi đóng cửa ở ngưỡng 1490. Các cổ phiếu bất động sản, xây dựng vừa và nhỏ, chứng khoán và nhóm cổ phiếu hàng hóa như Thép, Dầu khí, Phân bón, Than,... đồng loạt đóng cửa trong sắc đỏ, vì vậy màu xanh của nhóm Ngân hàng ngày hôm nay không đủ sức lan tỏa đến chỉ số, VN-Index đóng cửa giảm hơn 7 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 15/19 ngành giảm điểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và bán ròng nhẹ trên sàn HNX. Thị trường đang gặp phải áp lực chốt lời sau phiên tăng điểm ngày hôm qua. Trong một vài phiên tới, thị trường có thể sẽ dao động trong biên độ 1480 – 1500.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30, trừ VN30F2209. Các nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong các phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 30/03/2022, các chứng quyền phân hóa theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-7.25** điểm, đóng cửa **1490.51** điểm. HNX-Index **-10.04** điểm, đóng cửa **451.19** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+1.51)**, **VIB (+0.87)**, **SSB (+0.68)**, **MBB (+0.66)**, **VPB (+0.46)**.
- Kéo chỉ số giảm: **NVL (-1.19)**, **GAS (-0.86)**, **DIG (-0.77)**, **VHM (-0.77)**, **GVR (-0.65)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **27.805** tỷ đồng, tăng **28.16%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 28.682 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 19.99 điểm. Thị trường có **113** mã tăng, 44 mã tham chiếu và **320** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **123.65** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **DGC (181.38 tỷ)**, **FUEVFNVD (75.26 tỷ)**, **DXG (64.90 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-23.31** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thành Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

[anhvv@bsc.com.vn](#)

VN-INDEX **1490.51**
Giá trị: 27805.38 tỷ **-7.25 (-0.48%)**
Khối ngoại (ròng): 123.65 tỷ

HNX-INDEX **451.19**
Giá trị: 3797.14 tỷ **-10.05 (-2.18%)**
Khối ngoại (ròng): -23.31 tỷ

UPCOM-INDEX **116.88**
Giá trị: 1907.53 tỷ **-0.49 (-0.42%)**
Khối ngoại(ròng): 61.01 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	107.0	2.68%
Giá vàng	1,918	-0.07%
Tỷ giá USD/VND	22,861	-0.05%
Tỷ giá EUR/VND	25,507	0.26%
Tỷ giá JPY/VND	18,752	0.74%
LS liên NH 1 tháng	2.4%	11.63%
LS TPCP 5 năm	1.9%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
DGC	181.4	VHM	-51.4
FUEVFNVD	75.3	VIC	-46.3
DXG	64.9	HPG	-32.9
HDB	62.9	CII	-32.6
STB	47.4	MSN	-30.1
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 2
Thị trường phái sinh	Trang 3
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Khuyến nghị dài hạn	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
3/29/2022	MSH	86.2	101	80.2	86.2	1	0.00%	Có thể tiếp tục mua
3/28/2022	GMD	56.3	63.2	53	57.5	2	2.13%	Có thể tiếp tục mua
3/24/2022	BMP	61	68	58	60.5	6	-0.82%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/23/2022	DBC	77	85.8	73	75.1	7	-2.47%	Có thể tiếp tục mua
3/21/2022	KDH	53.3	61.3	51.5	52.6	9	-1.31%	Có thể tiếp tục mua
3/15/2022	HBC	28.2	33	26	27.2	15	-3.55%	Có thể tiếp tục mua
3/14/2022	FCN	24.5	28.5	22.5	27.3	16	11.43%	Có thể tiếp tục mua
3/10/2022	ITD	16.9	20	15	17.8	20	5.33%	Có thể tiếp tục mua
3/3/2022	VSC	44.4	50.5	42.5	46.35	27	4.39%	Có thể tiếp tục mua
2/24/2022	PVB	23.5	28	21.5	23.9	34	1.70%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/23/2022	PVT	24.8	31.8	23	25.6	35	3.23%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/18/2022	G36	19.8	25.2	17	20.7	40	4.55%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

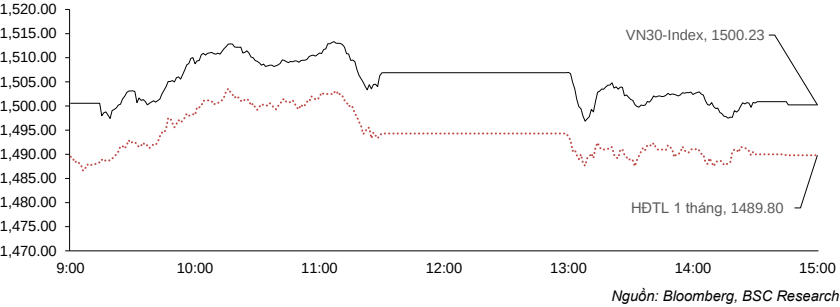
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
3/22/2022	CII	34.15	43.5	30.8	SL	6	-9.81%
3/18/2022	LIG	16	22	14.7	SL	12	-8.13%
3/17/2022	HQC	8.19	10.19	7.5	TP	7	24.42%
3/16/2022	VTP	70	77	66	TP	8	10.00%
3/9/2022	HAX	35.95	41.4	33.5	SL	5	-6.82%
3/5/2022	ITC	19.1	22.7	17.5	SL	9	-8.38%
3/4/2022	DPG	69.3	82	63.9	TP	7	18.33%
3/1/2022	GVR	35.7	40.5	34	SL	13	-4.76%
2/28/2022	HSG	38.35	46.9	36.25	SL	30	-5.48%
2/25/2022	VGT	27	33	25	SL	17	-7.41%
2/17/2022	DGC	147	168	141.5	TP	8	14.29%
2/16/2022	LCG	20.3	23.2	19.3	SL	9	-4.93%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	7	4	4.68%	-2.04%	2.24%	21
Cổ phiếu đã chốt	241	189	7.69%	-7.28%	4.92%	24

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Hợp đồng tương lai							
CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2204	1489.80	-0.24%	-10.43	64.0%	164,555	4/21/2022	24
VN30F2205	1488.50	-0.19%	-11.73	80.6%	401	5/19/2022	52
VN30F2206	1488.00	-0.08%	-12.23	-28.1%	41	6/16/2022	80
VN30F2209	1486.50	0.03%	-13.73	124.1%	65	9/15/2022	171

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm -0.34 điểm xuống 1500.23 điểm. Các cổ phiếu như NVL, MWG, HPG, VHM, VJC đã tác động tiêu cực đến vận động của VN30. VN30 kiểm tra tra lại ngưỡng hỗ trợ 1500 điểm trong phiên hôm nay.

- Các HDTL đều giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30, trừ VN30F2209. Xét về KLGD, các HD đều tăng trừ VN30F2206. Xét về vị thế mở, các HD VN30F2206 và VN30F2209 giảm, HD còn lại tăng. Điểm số giảm cùng với lượng hợp đồng mở tăng cho thấy xu hướng đang thiên về chiều short. Các nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong các phiên tới.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVPB2201	9/20/2022	174	5:1	274,300	31.65%	1,300	1,480	5.71%	678	2.18	38,200	37,000	36,800
CVRE2110	4/27/2022	28	8:1	144,300	37.60%	1,000	580	5.45%	410	1.41	44,879	29,999	32,500
CTCB2105	5/4/2022	35	5:1	471,600	29.55%	3,600	1,300	4.00%	1,019	1.28	58,600	45,000	49,150
CVRE2202	6/9/2022	71	3:1	133,500	37.60%	2,400	1,040	2.97%	490	2.12	39,250	34,900	32,500
CVRE2202	6/9/2022	71	3:1	133,500	37.60%	2,400	1,040	2.97%	490	2.12	39,250	34,900	32,500
CTCB2202	6/9/2022	71	5:1	188,500	29.55%	2,080	950	1.06%	355	2.67	64,250	52,000	49,150
CSTB2201	9/21/2022	175	5:1	419,200	37.23%	1,500	1,530	0.66%	1,235	1.24	35,088	29,888	32,250
CVPB2111	4/20/2022	21	4:1	335,300	31.65%	2,300	1,580	0.00%	739	2.14	39,800	34,000	36,800
CVRE2201	9/20/2022	174	4:1	218,700	37.60%	1,200	1,270	0.00%	800	1.59	44,000	34,000	32,500
CHPG2202	9/21/2022	175	10:1	113,200	33.09%	1,100	710	0.00%	220	3.23	116,488	53,888	45,500
CTPB2201	9/20/2022	174	4:1	298,400	40.99%	1,800	1,470	-1.34%	1,023	1.44	47,920	42,000	40,000
CVHM2201	9/21/2022	175	16:1	211,400	28.51%	1,300	660	-1.49%	190	3.47	98,718	87,678	75,800
CVHM2201	9/21/2022	175	16:1	211,400	28.51%	1,300	660	-1.49%	190	3.47	98,718	87,678	75,800
CVRE2105	5/4/2022	35	5:1	539,500	37.60%	1,200	810	-3.57%	682	1.19	38,750	30,000	32,500
CVRE2113	5/4/2022	35	4:1	34,500	37.60%	1,400	440	-4.35%	193	2.28	39,439	34,999	32,500
CTPB2101	4/6/2022	7	3.7:1	97,300	40.99%	2,500	1,940	-4.43%	1,824	1.06	45,136	33,333	40,000
CVHM2203	6/24/2022	86	10:1	145,400	28.51%	1,450	850	-6.59%	238	3.57	106,700	83,000	75,800
CVJC2103	4/27/2022	28	20:1	337,200	25.94%	1,500	760	-13.64%	602	1.26	131,799	129,999	140,500
CVHM2111	4/27/2022	28	20:1	636,700	28.51%	1,000	110	-15.38%	5	20.30	114,688	88,888	75,800
CSTB2203	6/9/2022	71	3:1	489,600	37.23%	2,680	1,320	-29.79%	670	1.97	37,710	34,800	32,250
Tổng				5,159,200	33.81%**								
Chú thích:			Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
			Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
			**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 30/03/2022, các chứng quyền phân hóa theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

- CVNM2113 và CFPT2111 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 57.14% và 50.67%. Giá trị giao dịch tăng 3.63%. CHPG2203 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.78% thị trường.

- CSTB2202, CTPB2101, CVRE2105 và CSTB2201 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CVPB2202, CSTB2202, CVPB2202, và CVHM2204 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CSTB2202, CTPB2101 và CTCB2105 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	144.4	-1.4%	0.6	4,596	10.7	6,936	20.8	5.1	49.0%	27.3%
PNJ	Bán lẻ	108.3	-2.0%	0.7	1,071	4.6	4,526	23.9	4.1	49.0%	18.3%
BVH	Bảo hiểm	61.7	0.5%	1.3	1,991	5.1	2,501	24.7	2.2	26.4%	9.0%
PVI	Bảo hiểm	55.0	3.6%	0.5	560	1.2	3,543	15.5	1.7	57.8%	10.9%
VIC	Bất động sản	81.1	0.4%	0.7	13,448	11.0	(759)	N/A	3.1	12.6%	-3.1%
VRE	Bất động sản	32.5	-0.2%	1.1	3,211	4.8	578	56.2	2.4	30.3%	4.4%
VHM	Bất động sản	75.8	-0.9%	1.1	14,350	13.4	9,048	8.4	2.6	23.8%	36.4%
DXG	Bất động sản	46.1	-1.4%	1.3	1,218	28.8	1,942		3.1	29.8%	15.5%
SSI	Chứng khoán	42.3	-0.8%	1.6	1,826	13.0	2,768	15.3	2.9	37.6%	22.5%
VCI	Chứng khoán	57.2	-0.5%	1.0	828	4.1	4,512	12.7	2.9	19.5%	27.1%
HCM	Chứng khoán	34.3	-0.6%	1.6	682	4.3	2,805	12.2	2.1	43.2%	19.5%
FPT	Công nghệ	106.0	1.0%	0.9	4,183	13.1	4,792	22.1	5.4	49.0%	25.8%
FOX	Công nghệ	82.0	4.3%	0.4	1,171	0.7	4,926	16.6	4.5	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	110.1	-1.6%	1.2	9,162	2.8	4,381	25.1	4.1	2.8%	17.4%
PLX	Dầu khí	55.0	-2.5%	1.5	3,038	5.4	2,337	23.5	2.8	17.0%	12.3%
PVS	Dầu khí	35.7	-4.0%	1.6	742	13.3	1,260	28.3	1.4	8.4%	5.0%
BSR	Dầu khí	26.6	-1.5%	0.8	3,586	8.2	2,108		2.2	41.1%	19.1%
DHG	Dược	111.0	-0.9%	0.3	631	0.2	5,720	19.4	3.8	54.2%	20.3%
DPM	Hóa chất	68.2	-7.0%	0.9	1,160	45.1	7,959	8.6	2.5	10.8%	33.5%
DCM	Hóa chất	44.5	-6.9%	0.7	1,024	29.6	3,073	14.5	3.2	6.7%	23.7%
VCB	Ngân hàng	82.0	0.1%	1.0	16,872	3.3	5,005	16.4	3.5	23.7%	21.4%
BID	Ngân hàng	43.6	2.7%	1.2	9,578	6.6	2,090	20.8	2.6	16.8%	13.2%
CTG	Ngân hàng	32.1	0.2%	1.4	6,697	7.1	2,940	10.9	1.7	25.7%	15.9%
VPB	Ngân hàng	36.8	1.1%	1.2	7,113	26.7	2,648	13.9	2.1	17.5%	17.9%
MBB	Ngân hàng	32.7	2.0%	1.2	5,364	43.0	3,362	9.7	2.1	23.2%	23.6%
ACB	Ngân hàng	32.6	0.8%	1.1	3,830	5.9	3,554	9.2	2.0	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	60.5	-0.3%	0.7	215	0.2	2,618	23.1	2.2	85.0%	9.0%
NTP	Nhựa	58.8	0.3%	0.4	301	0.4	3,825	15.4	2.6	17.9%	17.0%
MSR	Tài nguyên	32.0	-2.7%	1.1	1,529	1.8	178	179.8	2.5	10.1%	1.4%
HPG	Thép	45.5	-0.8%	1.1	8,849	31.3	7,166	6.3	2.2	22.2%	42.8%
HSG	Thép	36.3	-3.3%	1.4	779	17.7	8,581	4.2	1.6	6.6%	45.9%
VNM	Tiêu dùng	76.2	0.9%	0.6	6,924	11.3	4,518	16.9	4.8	54.0%	29.3%
SAB	Tiêu dùng	157.9	-0.1%	0.8	4,403	1.1	5,663	27.9	4.8	62.5%	17.9%
MSN	Tiêu dùng	144.0	0.0%	1.0	7,391	4.2	7,257	19.8	5.2	28.4%	35.1%
SBT	Tiêu dùng	24.1	-2.8%	1.3	658	5.1	1,135	21.2	1.8	7.3%	8.7%
ACV	Vận tải	92.0	1.3%	0.8	8,708	0.4	577	159.4	5.3	3.8%	3.4%
VJC	Vận tải	140.5	-1.7%	1.1	3,309	4.4	2,271		4.5	16.8%	7.7%
HVN	Vận tải	24.9	-0.8%	1.7	2,397	2.6	(6,523)		23.0	6.1%	-267.4%
GMD	Vận tải	57.5	-2.5%	1.0	753	8.6	1,846	31.1	2.7	43.5%	9.1%
PVT	Vận tải	25.6	-4.1%	1.2	360	5.2	2,038	12.6	1.6	9.7%	13.1%
VCS	Vật liệu xây dựng	120.0	0.0%	0.7	835	1.7	10,538	11.4	3.9	3.6%	40.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	60.6	1.0%	0.3	1,181	4.3	2,729	22.2	3.8	4.3%	18.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	24.6	-3.5%	0.9	408	3.2	966	25.5	1.8	2.0%	7.0%
CTD	Xây dựng	97.7	0.6%	1.0	314	4.8	310	314.7	0.9	45.4%	0.3%
CII	Xây dựng	30.3	-6.3%	0.9	319	19.1	(1,398)	N/A	1.5	10.4%	-6.9%
REE	Điện	81.4	1.1%	-1.4	1,094	4.9	6,002	13.6	1.9	49.0%	15.0%
PC1	Điện	47.0	-4.0%	-0.4	481	7.0	2,997	15.7	2.4	5.1%	15.9%
POW	Điện	16.0	-1.8%	0.6	1,624	7.4	768	20.8	1.3	2.0%	6.3%
NT2	Điện	23.7	1.1%	0.6	296	1.4	1,778	13.3	1.6	13.6%	12.0%
KBC	Khu công nghiệp	52.7	-1.7%	1.2	1,319	10.7	1,590	33.1	2.2	18.6%	6.7%
BCM	Khu công nghiệp	72.0	0%	1.0	3,240	0.5			4.8	2.6%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	43.55	2.71	1.48	3.51MLN
VIB	47.00	4.68	0.83	3.65MLN
MBB	32.65	2.03	0.63	30.14MLN
SSB	38.05	4.25	0.58	2.56MLN
VPB	36.80	1.10	0.46	16.62MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
NVL	0.00	-1.23	6.16MLN	1.11MLN
GAS	0.00	-0.88	590500	607060
DIG	-0.01	-0.83	8.16MLN	373600
VHM	0.00	-0.78	4.09MLN	192700
GVR	0.00	-0.66	1.49MLN	611640

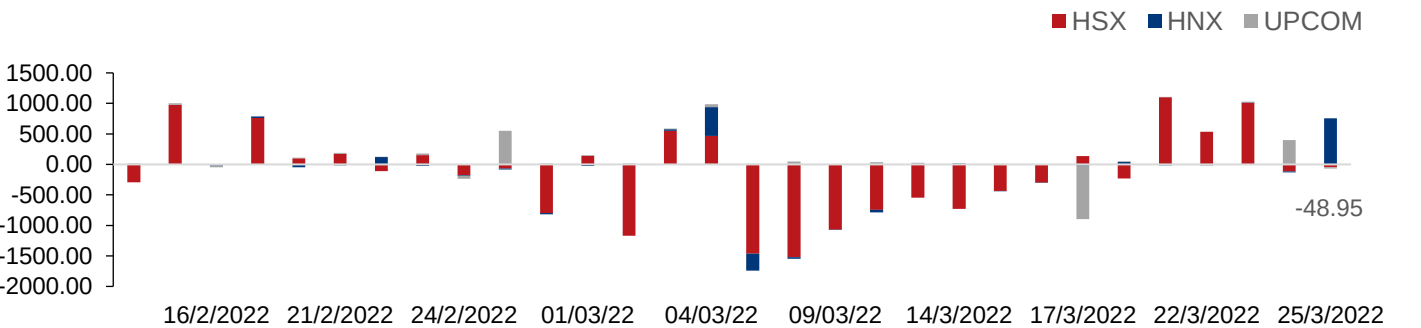
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVT	32.40	6.93	0.05	362500.00
TTE	20.85	6.92	0.01	12200
SJS	94.40	6.91	0.18	262600
DHC	79.00	6.90	0.09	1.68MLN
CDC	18.60	6.90	0.01	280200

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TGG	23.95	-6.99	-0.01	1.36MLN
ROS	7.59	-6.99	-0.08	902900
VAF	16.65	-6.98	-0.01	28600.00
FTM	6.00	-6.98	-0.01	1.67MLN
LDG	20.00	-6.98	-0.09	18.37MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	106.0	4,792	22.1	5.4	Click
2	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	34.4	2,448	14.1	2.3	Click
3	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	49.2	10,793	4.6	1.9	Click
4	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	16.0	768	20.8	1.3	Click
5	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	108.3	4,526	23.9	4.1	Click
6	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	144.4	6,936	20.8	5.1	Click
7	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	25.6	2,038	12.6	1.6	Click
8	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	232.0	13,122	17.7	6.5	Click
9	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	45.5	7,166	6.3	2.2	Click
10	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	52.7	1,590	33.1	2.2	Click
11	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	42.5	4,717	9.0	2.9	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	46.1	1,942	23.7	3.1	Click
13	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	146.2	7,494	19.5	7.3	Click
14	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	44.3	1,006	44.0	2.4	Click
15	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	40.0	2,779	14.4	2.5	Click
16	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	93.0	6,052	15.4	2.9	Click
17	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	42.8	1,968	21.7	2.1	Click
18	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	55.0	3,543	15.5	1.7	Click
19	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	35.7	1,260	28.3	1.4	Click
20	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	110.1	4,381	25.1	4.1	Click
21	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	38.6	3,134	12.3	2.7	Click
22	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	97.7	310	314.7	0.9	Click
23	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	20.2	1,454	13.9	0.9	Click
24	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	18.8	1,520	12.4	0.9	Click
25	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	18.8	1,520	12.4	0.9	Click
26	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	24.4	2,324	10.5	3.5	Click
27	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	108.3	4,526	23.9	4.1	Click
28	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	108.3	4,526	23.9	4.1	Click
29	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	144.4	6,936	20.8	5.1	Click
30	SZC	BĐS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	75.5	3,013	25.1	5.2	Click
31	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	56.4	3,055	18.5	2.4	Click
32	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	26.6	2,108	12.6	2.2	Click
33	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	27.6	948	29.1	1.6	Click
34	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	93.0	6,052	15.4	2.9	Click
35	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	28.8	1,637	17.6	1.7	Click
36	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	17.8	689	25.8	1.3	Click
37	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	75.1	7,200	10.4	1.8	Click
38	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	46.4	3499.1	13.2	1.9	Click
39	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	23.7	1,778	13.3	1.6	Click
40	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	110.1	4,381	25.1	4.1	Click
41	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	49.2	10,793	4.6	1.9	Click
42	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	52.6	1,781	29.5	3.3	Click
43	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	76.2	4,518	16.9	4.8	Click
44	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	106.0	4,792	22.1	5.4	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	32.5	578	56.2	2.4	Click
46	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	232.0	13,122	17.7	6.5	Click
47	LHG	BĐS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	55.0	5,924	9.3	1.9	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
2	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
4	Cơ hội từ Đầu tư công	x		Click
5	Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
6	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
7	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
8	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
9	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
10	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
12	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
13	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
14	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
15	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
16	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
18	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
19	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
20	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
21	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
22	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
23	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
24	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
25	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
26	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
27	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
28	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
29	Banking Sector Outlook		x	Click
30	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
31	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
32	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
33	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
34	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
35	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
36	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
37	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
38	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
39	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
40	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
41	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
42	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
43	Fishery Outlook 2021		x	Click
44	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639